

Số: 216/QĐST-HNGĐ

Bá Thước, ngày 03 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

-Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 201/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị H; Sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L N, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Hà Văn L; Sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L N, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điểm a, d khoản 5 điều 27; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa:

Chị Vi Thị H và anh Hà Văn L.

2. Công nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Vi Thị H và anh Hà Văn L tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Vi Thị H và anh Hà Văn L tự nguyện thỏa thuận. Khi ly hôn chị Vi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Diệp P, sinh ngày 11/4/2014 cho đến tuổi thành niên. Chị Vi Thị H không yêu cầu anh Hà Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hà Văn L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Vi Thị H và anh Hà Văn L đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận. Khi ly hôn anh Hà Văn L có trách nhiệm giao cho chị Vi Thị H 66.000.000đ (Sáu mươi sáu triệu đồng).

- Về nợ chung: Chị Vi Thị H và anh Hà Văn L trình bày không còn nợ chung.

- Về án phí: Chị Vi Thị H và anh Hà Văn L tự nguyện thỏa thuận chị Vi Thị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho chị Vi Thị H 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0008475 ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B T.

3. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã L N
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên